

lợi ích kinh tế với bảo vệ môi trường, bảo tồn văn hóa và cả bảo tồn nguồn gen sinh học.

Thứ sáu, cũng phải nhấn mạnh rằng, để phát huy được các nguồn lực văn hóa đã phân tích trên vào quá trình phát triển kinh tế, thì cần phải chú ý đến các nguồn lực quan trọng khác, đặc biệt là nguồn lực con người. Nguồn lực con người ở đây không chỉ là lực lượng lao động nói chung, mà quan trọng hơn nữa đó là nguồn lực trí tuệ, tâm huyết của con người khi tham gia vào phát triển kinh tế di sản. Phát triển kinh tế di sản phải bắt đầu từ những ý tưởng mới lạ, dựa trên nền tảng các lý thuyết phát triển nhưng gắn liền với thực tiễn của từng di sản văn hóa cụ thể. Từ những ý tưởng đó, phải tạo ra được các sản phẩm thương mại, sản phẩm du lịch để chuyển hóa các giá trị di sản văn hóa thành giá trị kinh tế. Muốn làm được điều đó cần phải có những người tâm huyết theo đuổi, thậm chí hy sinh một số lợi ích cá nhân nhằm tạo ra sự phát triển cho cộng đồng. Bên cạnh đó, những nhà quản lý, những người làm chính sách cũng phải có những động thái cụ thể để thu hút những người tâm huyết trong lĩnh vực này nhằm tạo ra những sự thay đổi, những có hích cho kinh tế di sản.

3. Thực trạng phát triển kinh tế di sản ở Nghệ An hiện nay

Trước hết cần kể đến mô hình phát triển du lịch cộng đồng, một loại hình kinh tế dựa vào di sản văn hóa, và cũng là một loại hình thuộc về phát triển kinh tế di sản. Nói vậy là bởi di sản văn hóa là nguồn vốn quan trọng trong phát triển du lịch cộng đồng. Và hiện nay, du

lịch cộng đồng đang ngày càng trở nên phổ biến, nhưng thật sự có hiệu quả thì chỉ ở một số nơi. Ở Nghệ An, du lịch cộng đồng được biết đến trong khoảng gần một thập kỷ lại nay. Ban đầu là những doanh nghiệp du lịch qua các tour đi đến các địa phương khác đã quan tâm đến loại hình này. Tuy nhiên, du lịch cộng đồng chỉ được quan tâm và xây dựng thành các điểm để đón khách khi có các dự án đầu tư và hỗ trợ. Tính đến nay, sau hơn một thập kỷ đưa vào khai thác để phát triển, toàn tỉnh đã hình thành một hệ thống với vài chục điểm du lịch cộng đồng ở nhiều huyện khác nhau, tập trung chủ yếu ở miền núi. Huyện Con Cuông có các điểm: bản Nưa (xã Yên Khê), bản Thái Sơn 1, bản Thái Sơn 2, bản Xiêng, bản Búng, bản Cò Phạt (xã Môn Sơn), bản Yên Thành (xã Lục Dạ), bản Khe Rạn (xã Bồng Khê)... Huyện Tương Dương có bản Chấn, bản Mác, bản Lau (xã Thạch Giám), bản Xoóng Con (xã Lưu Kiên), bản Phong (xã Tam Hợp), bản Huồi Tố 1, bản Huồi Tố 2 (xã Mai Sơn), bản Quang Phúc (xã Tam Đình)... Huyện Kỳ Sơn có bản Na (xã Hữu Lập) bản Xiêng Tắm, bản Yên Hòa (xã Mỹ Lý)... Huyện Quế Phong có bản Na Sái (xã Hạnh Dịch), bản Đan 1, bản Đan 2



Trí thức dân gian của các dân tộc được xem là loại hình di sản mang lại kinh tế



Các sản phẩm từ nghề truyền thống mây tre đan mang lại nguồn lợi kinh tế cho người dân Nghệ An
Ảnh: Nguyễn Đạo

(xã Tiên Phong), bản Cò Nong (xã Mường Nọc), bản Cọ Muồng (xã Châu Kim)... Huyện Quỳnh Châu có bản Hoa Tiến 1, bản Hoa Tiến 2 (xã Châu Tiến)... Miền núi Nghệ An không chỉ có nhiều thắng cảnh tự nhiên đẹp, hùng vĩ, nhiều di tích lịch sử văn hóa, mà còn là nơi lưu giữ được nhiều nét đặc sắc về văn hóa tộc người. So với nhiều vùng khác, sự phát triển của kinh tế thị trường ở miền núi Nghệ An còn chậm nên văn hóa dù có biến đổi nhưng chưa mạnh mẽ, nhiều cộng đồng vẫn giữ được những nét văn hóa truyền thống của dân tộc mình. Đó chính là cơ sở để người ta lựa chọn xây dựng và phát triển du lịch cộng đồng. Qua khảo sát có thể rút ra được vài nhận xét về mô hình này: Thứ nhất là sự hài hòa giữa tự nhiên và văn hóa, sinh thái và con người. Tự nhiên hay vốn tự nhiên không thuộc vào di sản văn hóa nhưng để phát triển du lịch cộng đồng thì cũng có vai trò của yếu tố này, nhất là sự hài hòa với yếu tố văn hóa. Hầu hết các nơi phát triển được du lịch cộng đồng thường cảnh quan tự nhiên đẹp, lạ, thanh bình, là cái nôi của văn hóa cộng đồng ở địa phương. Quan trọng là cộng đồng dân cư ở đó còn giữ nhiều

nét văn hóa truyền thống độc đáo. Và các giá trị văn hóa đó, ngoài việc chiêm ngưỡng, còn có thể tích hợp được vào các sản phẩm hàng hóa để phát triển kinh tế. Và đó cũng là nơi mà môi trường chính trị, xã hội ổn định, con người dễ gần gũi.

Mô hình thứ hai là phát triển thủ công nghiệp truyền thống. Cả tỉnh hiện tại có hàng trăm làng nghề truyền thống đang phát triển, trong đó có hàng chục làng nghề đã được công nhận và được đầu tư để phát triển. Tuy nhiên, có những làng nghề tiếp cận được thị trường và phát triển một cách mạnh mẽ, nhưng cũng có những làng nghề lại bị mai một, tùy vào loại hình thủ công nghiệp cũng như tính năng động của chủ thể và cơ chế chính sách phát triển. Nhưng kinh nghiệm từ các làng nghề thành công cho thấy sự năng động từ người dân chủ thể và cơ chế linh động từ chính quyền là cơ sở để làng nghề vươn lên. Nó vừa yêu cầu giữ gìn được đặc trưng của nghề thủ công truyền thống, vừa có những thay đổi để phù hợp với thị trường. Đặc biệt là các chủ thể tiếp cận được thị trường bằng những năng lực và sự linh động của mình. Để phát triển các

làng nghề truyền thống bên cạnh phát triển các sản phẩm đặc trưng để đưa ra thị trường thì cần phải kết hợp với phát triển du lịch cộng đồng, du lịch làng nghề... nhằm đa dạng hóa nguồn thu mới đảm bảo được nguồn thu nhập một cách bền vững hơn.

Mô hình thứ ba là phát triển kinh tế di sản từ các hoạt động bảo tàng và nghệ thuật trình diễn. Bảo tàng cũng là một nhân tố không chỉ bảo tồn mà còn phát huy được giá trị của các di sản văn hóa, trong đó có giá trị kinh tế. Ở trong nước, có những bảo tàng rất đông khách tham quan và giá vé vào rất cao nhưng vẫn đảm bảo một lượng khách đều đặn khiến doanh thu của họ khá lớn. Tuy nhiên, ở Nghệ An, các bảo tàng hoạt động hiệu quả không nhiều. Hầu hết các bảo tàng đều đang trong quá trình chuyển mình theo hướng hiện đại để phục vụ du lịch cũng như tạo nguồn thu trong tương lai. Nhưng trong thực tế hiện tại vẫn chưa có hoạt động kinh tế nào để tạo nguồn thu. Các định hướng đang vươn tới một tương lai gần, các bảo tàng sẽ kết hợp với du lịch để tạo ra các giá trị kinh tế, góp phần phát triển văn hóa trong bối cảnh kinh tế thị trường. Trong khi đó, nghệ thuật biểu diễn là một thế mạnh đầy tiềm năng của Nghệ An. Bên cạnh ví giặm vốn nổi tiếng và được nhiều người biết đến, được UNESCO ghi danh di sản văn hóa phi vật thể đại diện nhân loại, thì Nghệ An còn nhiều loại hình biểu diễn khác từ các cộng đồng khác nhau. Đây là nhân tố thu hút khách du lịch, là cơ sở để phát triển công nghiệp văn hóa. Nhưng hiện tại các di sản văn hóa nghệ thuật biểu diễn vẫn chưa được khai thác nhiều.

Mô hình thứ tư là phát triển kinh tế được liệu dựa vào nguồn vốn tri thức dân gian về y học của các cộng đồng. Đây là mô hình được khá nhiều cộng đồng vận dụng vào quá trình phát triển như người Thổ, người Thái, người Khơ Mú... Những người Thổ ở Quỳ Hợp, Tân

Kỳ, Nghĩa Đàn đang hướng đến khai thác các bài thuốc chữa bệnh cổ truyền để tạo ra hàng hóa nhằm cung cấp cho thị trường chăm sóc sức khỏe để tìm kiếm lợi nhuận. Nhiều người Khơ Mú, người Thái ở miền Tây Nghệ An cũng vậy. Dựa vào các bài thuốc cổ truyền, họ đã tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa khác nhau để bán cho khách hàng, từ các bài thuốc chữa bệnh, các bài thuốc ngâm rượu để bồi bổ sức khỏe đến nhiều sản phẩm khác.

Tóm lại, Nghệ An có tiềm năng lớn về phát triển kinh tế di sản nhưng hiện tại vẫn chưa khai thác được nhiều. Các loại hình kinh tế di sản ở Nghệ An còn phát triển chậm và chưa đạt hiệu quả cao. Ngoài các hoạt động du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa đang được đẩy mạnh và thu được một số kết quả nhất định thì các loại hình khác còn nhiều hạn chế, chưa thể hiện được nhiều vai trò trong quá trình phát triển kinh tế tỉnh nhà.

4. Định hướng phát triển kinh tế di sản ở Nghệ An trong giai đoạn tới

Thứ nhất, Nghệ An cần định hình chiến lược phát triển kinh tế di sản dựa trên những tiềm năng vốn có của mình. Cần phải hoàn thiện và đi vào thực hiện đề án phát triển kinh tế di sản của tỉnh. Qua đó quy hoạch các tuyến để khai thác các di sản văn hóa vào phát triển kinh tế. Các chính sách của tỉnh là kim chỉ nam quan trọng để định hướng cho sự phát triển kinh tế di sản. Tuy nhiên, các chính sách hiện tại vẫn chưa rõ ràng. Cần phải có một chiến lược với tầm nhìn dài hạn để từ đó xây dựng các chính sách cụ thể cho các loại hình kinh tế di sản cụ thể.

Thứ hai, xem xét lại các loại hình kinh tế di sản để lựa chọn loại hình có tiềm năng nhất làm mũi nhọn trong quá trình phát triển kinh tế di sản. Cần phải nhận thức rõ mối quan hệ giữa các loại hình kinh tế di sản để lựa chọn sao cho phù hợp, bởi không có một loại hình nào tồn tại và phát triển riêng lẻ. Ví dụ du lịch

cộng đồng muốn hiệu quả thì phải gắn với hoạt động của các làng nghề truyền thống, với nghệ thuật biểu diễn, với kinh tế lễ hội... chứ nó không tách riêng lẻ ra. Tương tự như vậy, bản thân nghệ thuật biểu diễn hay lễ hội chưa hẳn tạo ra thu nhập nhưng khi gắn với các hoạt động du lịch thì sẽ tạo ra được thu nhập. Chính vì vậy mà cần tạo sự kết nối giữa các địa phương trong phát triển kinh tế di sản, nhưng đồng thời cũng phải cho các địa phương, các cộng đồng chủ động phát triển kinh tế di sản dựa vào đặc trưng văn hóa riêng của mình.

Thứ ba, gắn kết phát triển kinh tế di sản với việc bảo tồn bản sắc văn hóa tộc người, bản sắc văn hóa địa phương và bản sắc văn hóa cộng đồng. Bảo tồn là nhân tố đầu tiên và quan trọng, là cơ sở để giữ lại các nguồn vốn văn hóa cho phát triển kinh tế di sản. Nếu không có bảo tồn, hay bảo tồn không được các di sản văn hóa thì chẳng còn gì để phát triển kinh tế di sản. Ngược lại, phát triển kinh tế di sản cũng góp phần thúc đẩy và làm cho công tác bảo tồn di sản văn hóa thêm hiệu quả hơn. Nó làm thay đổi nhận thức của người dân về giá trị của việc bảo tồn di sản văn hóa, qua đó làm cho họ chủ động hơn, trách nhiệm hơn trong việc giữ gìn nguồn tài sản của chính mình.

Thứ tư, cần phải huy động toàn dân, các cơ quan liên quan hợp tác với ngành văn hóa để cùng thúc đẩy phát triển kinh tế di sản nhằm nâng cao vai trò của lĩnh vực này, đưa văn hóa tham gia nhiều hơn vào quá trình phát triển kinh tế. Hiện tại, hầu hết các di sản văn hóa đều thuộc sự quản lý của ngành văn hóa. Không chỉ giữ vai trò thực hiện công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa mà ngành văn hóa còn đứng ra tham mưu tư vấn xây dựng chính sách phát triển kinh tế di sản. Nhưng nếu chỉ một mình ngành văn hóa thì khó mà thực hiện được hiệu quả. Vậy nên cần có sự liên kết, hợp tác của nhiều ngành liên quan, nhất là sự ủng hộ, chia sẻ và tham gia

của người dân chủ thể. Phát triển kinh tế di sản cần gắn với lợi ích của người dân chủ thể trong chiến lược phát triển chung của toàn tỉnh.

Kết luận

Nghệ An là tỉnh có nhiều tiềm năng để phát triển kinh tế di sản. Nhận thức được điều đó nên mấy năm qua, tỉnh đã quan tâm nhiều đến việc đẩy mạnh lĩnh vực kinh tế đặc biệt này. Nhưng do nhận thức về lĩnh vực này còn hạn chế, nên việc phát triển các loại hình kinh tế di sản vẫn còn chưa được mạnh mẽ. Ngoài du lịch cộng đồng đã phổ biến rộng rãi và đạt được một số kết quả khả quan thì các lĩnh vực khác như vẫn còn gặp khó khăn. Các ngành thủ công nghiệp truyền thống đang khó tiếp cận thị trường. Các ngành kinh tế được liệu chưa được đầu tư phát triển một cách bài bản. Các hoạt động nghệ thuật biểu diễn dù đa dạng nhưng chưa phát huy được giá trị của mình vào các hoạt động kinh tế. Trong khi đó, các bảo tàng, lễ hội,... vẫn chỉ đang trong quá trình chuyển đổi nhằm tham gia vào một số hoạt động kinh tế để phát huy các giá trị di sản văn hóa mà thôi.

Phát triển kinh tế di sản là hướng đi đúng đắn và phù hợp. Nó là một định hướng phát triển văn hóa trong bối cảnh kinh tế thị trường hiện nay. Nhưng để phát triển lĩnh vực này một cách hiệu quả cần có những định hướng phù hợp. Đó là cần một chiến lược phát triển có tầm nhìn dài hạn gắn với các tiềm năng, lợi thế của tỉnh nhà. Là lựa chọn được loại hình kinh tế di sản phù hợp với từng địa phương, từng cộng đồng để tập trung đầu tư phát triển. Là gắn kết phát triển kinh tế lễ hội với bảo tồn di sản văn hóa cộng đồng. Là liên kết, hợp tác giữa ngành văn hóa với các ngành liên quan và lấy cộng đồng chủ thể làm trung tâm để phát triển kinh tế di sản. Chỉ có như vậy thì mới có thể đưa kinh tế di sản tỉnh nhà phát triển mạnh hơn và hiệu quả hơn. □



Rồng trong đời sống và văn hóa Việt Nam

□ NGUYỄN ANH HÙNG*

Rồng là một trong số ít những con vật huyền thoại và trở thành con vật huyền thoại duy nhất trong 12 con giáp. Tuy nhiên, nó lại có quan hệ gần gũi, ảnh hưởng sâu rộng, lâu dài, phong phú tới đời sống và văn hóa Việt Nam.

Con rồng xuất hiện rất sớm trong đời sống và văn hóa Việt Nam. Vào buổi ban sơ của lịch sử dân tộc, tổ tiên chúng ta từ miền núi, trung du xuống đồng bằng khai hoang lấn biển, sống nơi sông nước, hàng ngày phải đối mặt với cá sấu - giao long - thường luồng, một sức mạnh thiên nhiên ác nghiệt. Bộ cổ sử **Hậu Hán thư** chép rằng người Việt xưa “có tục

xăm mình hình rồng để tránh giao long làm hại”. Họ vất vả đối phó, sợ hãi đến mức phải tôn thờ chúng. Di vật làm chứng gọi nghi khởi nguyên con rồng Việt Nam là hình cá sấu trên trống đồng Ngọc Lũ, thạp đồng Đào Thịnh, rìu lưỡi xéo Kiến An và hình rắn ngậm chân voi trên cán dao găm làng Vạc.

Về sau, sức mạnh thiên nhiên mang dáng bề sát kia dần chấp cánh cho khát vọng của nhân dân về mưa thuận gió hòa, an toàn, vui vẻ, may mắn, hạnh phúc, từ đó xây dựng nên hình tượng rồng và hình tượng ấy nhanh chóng phổ biến, in sâu vào tâm thức văn hóa con người. “Rồng” được coi là tộc huy của cư dân đồng bằng, hòa nhập với cư dân miền

* Nhà nghiên cứu, TP. Hà Nội



Rồng trong tranh Đông Hồ

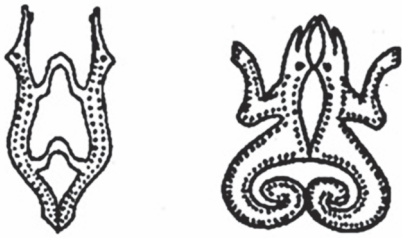
rừng núi (tộc huy “Tiên”) thành cộng đồng hòa hợp Rồng - Tiên, nên tặng quốc gia Văn Lang (nước Việt Nam cổ đại).

Là con vật huyền thoại nhưng gần gũi vì bắt nguồn và gắn chặt với đời sống tinh thần dân tộc ta, rồng là biểu tượng của những gì kỳ diệu, toàn diện, tốt đẹp, tích cực nhất. Rồng hội tụ đủ yếu tố cơ bản của các lớp động vật: đầu của thú, thân của bò sát, chân của chim, vây của cá... Rồng ở cả trên trời lẫn dưới nước, bay lượn, ẩn hiện trong không gian. Rồng có thể phun mưa, khắc lửa, gây gió bão, tạo sấm chớp, cùng nhiều khả năng mầu nhiệm khác. Siêu toàn và nhất nguyên, rồng biểu trưng đồng thời cho cả vũ trụ lẫn nhân thế, cả âm lẫn dương, một bản thể dung hòa và tổng hợp những thái cực đối lập.

Rồng đứng đầu *tứ linh* - 4 con vật thiêng cao quý nhất: *long* (rồng), *ly* (kỳ lân), *quy* (rùa), *phụng* (phượng hoàng). Các vĩ nhân,

thần thánh, anh hùng... thường được ví sánh với rồng. Vua - người đứng đầu xã hội thời xưa - cũng được coi là rồng với tất cả các yếu tố liên quan: thân hình vua gọi là *long thể* (mình rồng), bước vua đi gọi là *long bộ* (bước rồng), cửa cung điện nơi vua ngự gọi là *long môn* (cửa rồng)... Rồng được thành kính thờ cúng ở khắp nơi, từ đình, chùa, đền, miếu đến các bàn thờ tại gia.

Ngôn ngữ luôn là hạt nhân của đời sống tinh thần và văn hóa con người. Trong ngôn ngữ Việt Nam, hình tượng rồng xuất hiện vừa phổ biến, đa dạng lại vừa hấp dẫn, sáng tạo. Chúng ta gặp “rồng” (long) ở đủ mọi lĩnh vực ngôn ngữ: tự nhiên và xã hội, lý thuyết và thực tiễn. Khí thế vươn lên, phát đạt gọi là “*thế rồng*”, bộ phận quan trọng nhất gọi là “*đầu rồng*”, hiện tượng luồng không khí xoáy tròn mở rộng ra từ một đám mây giông xuống tới mặt đất gọi là “*vòi rồng*” (lốc xoáy), chỗ đất cực phúc gọi là “*hàm rồng*”... Sinh vật học có con *rồng đất* (kỳ nhông), con *rồng bay* (tắc kè bay), cây *thanh long*, cây *xương rồng*, cây *móng rồng*, cỏ *vảy rồng*, cỏ *răng rồng*, cỏ *mật rồng*, dây *râu rồng*, lá *lưỡi rồng*, dịch nhựa *long não*... Dược học thì có: *ban long* (rồng đốm - thuốc bổ dạng cao được chế từ gạo hươu, nai), *long nhãn* (mắt rồng - cùi nhãn phơi sấy khô, đặc trị các bệnh thần kinh), *ô long vĩ* (đuôi rồng đen - bồ hóng dính vào mạng nhện trên bếp đun bằng củi gỗ, rơm rạ; tác dụng cầm máu và sát trùng)... Rồng hiện diện nhiều trong mọi loại địa danh: đồi núi, sông hồ, bến đảo, ga chợ, phố phường... Dọc từ Bắc vào Nam, ta gặp hàng loạt địa danh nổi tiếng như: vịnh *Hạ Long* (Quảng Ninh), đảo *Bạch Long Vĩ* (Hải Phòng), ga *Long Biên* (Hà Nội), gò *Long Đọi* (Hà Nam), chợ *Rồng* (Nam Định), cầu *Hàm Rồng* (Thanh Hóa), núi *Long Cốt* (Quảng Ngãi), bến *Nhà Rồng* (Thành phố Hồ Chí Minh), tỉnh *Long An*, sông *Cửu Long* (Nam bộ)... Thủ đô Hà Nội tự hào mang cái tên rất đẹp do vua Lý Thái Tổ đặt năm 1010:



Rồng thời Lý (rồng vân, rồng Phật giáo)



Họa vân rồng trên trống Đông Sơn

Rồng thời Trần (rồng võ)



Rồng thời Lê (rồng Nho giáo)

Thăng Long (rồng bay lên).

Rồng được lấy làm đối tượng cho hàng trăm câu tục ngữ, thành ngữ, ca dao tiếng Việt và đặc biệt, dù với nhiều sắc thái khác nhau, tất cả những từ ngữ gắn với rồng đều mang tính tốt đẹp, tích cực (chưa thấy từ ngữ nào gắn với rồng mà mang tính tiêu cực, xấu xa). Chúng thể hiện sự cao quý tôn nghiêm (*mai rồng, đầu rồng, long nhan, long bào*), quy luật di truyền (*trứng rồng lại nở ra rồng*), hình thức sang trọng (*chạm rồng trở phượng, thêu rồng vẽ phượng, nem rồng chả phượng*), trạng thái vận động đẹp và khỏe (*ăn như rồng cuốn uống như rồng leo, rồng bay phượng múa, rồng tranh hổ chọi*), chuyện may mắn (*hội long vân, như rồng gặp mây, đẹp duyên cưới rồng*), sự so sánh sang-hèn, tốt-xấu (*rồng đến nhà tôm, đầu rồng đuôi rắn, vẽ rồng nên giun*)... Tính tốt đẹp, tích cực ấy của rồng đi vào nhiều câu ca dao, cho dù ý nghĩa của những câu ca dao đó có phong vị rất khác nhau: từ thời cơ, thuận lợi, hòa hợp như *Tình cờ ta gặp mình đây/Như cá gặp nước như mây gặp rồng* đến việc ví von, so sánh hài hước *Lỗ mũi mười tám gánh lông/Chồng yêu chồng bảo râu rồng trời cho* hay sự băn khoăn trước cảnh khác biệt *Con công sống lẫn với gà/Rồng kia rắn nọ coi đã sao nên?!...*

Là con vật huyền thoại có nhiều phép màu kỳ diệu, rồng trở thành đề tài trung tâm của nhiều truyền thuyết, truyện kể, sự tích kỳ vĩ, độc đáo. Nổi tiếng nhất là truyền thuyết **Lạc Long Quân**, nói về nguồn gốc dân tộc ta: ông tổ của người Việt là Lạc Long Quân (Cha Rồng) lấy bà Âu Cơ (Mẹ Tiên), đẻ ra bọc 100 trứng, nở thành 100 con, một nửa theo cha xuống biển, nửa kia theo mẹ lên rừng, xây dựng cơ sở, mở mang bờ cõi..., dần hình thành nên cộng đồng - quốc gia Việt Nam (chúng ta vẫn tự hào coi mình thuộc “dòng giống tiên rồng”, “con rồng cháu tiên” là vì thế).

Rồng nhập hệ lịch can chi 12 con vật, là biểu tượng chi Thìn - một chi quan trọng với những ý nghĩa triết lý và nhân văn sâu sắc. Giờ Thìn kéo dài từ 7 giờ đến 9 giờ sáng - khoảng thời gian được coi là đẹp nhất trong ngày. Tháng con rồng là tháng Ba âm lịch, cuối xuân, cây cối tươi tốt nhất, con người cũng sung mãn nhất và tương quan trời - đất đạt đến độ hài hòa tối đa. Quan niệm tín ngưỡng còn cho rằng người tuổi Thìn thường mạnh mẽ, oai phong, tài giỏi, thành đạt và gặp nhiều may mắn, hạnh phúc trong đời.

Hình tượng rồng trở nên sống động, gần gũi hơn qua những trò chơi và lễ hội truyền thống. Trẻ em ta thuở xưa đến tận bây giờ còn